

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-PT
Ngày 10-7-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Vân
Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Việt Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1136/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2019 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 2365/TB-TA ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H (tên gọi khác là Đặng Văn U) sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng Văn H: Bà Nguyễn Thị Kim V – Luật sư Công ty luật TNHH MTV KMG – Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đặng Mạnh H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 87/8 đường Đ, phường 3, quận B, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt;

2. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 466/52 đường A, phường Bùi Thị X, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, vắng mặt;

3. Ông Đặng Xuân H, sinh năm 1956; nơi cư trú: Đường đê sông Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

4. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

5. Bà Trịnh Thị K, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Văn Hải.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Văn H trình bày:

Bố mẹ ông H là cụ Đặng Văn H, cụ Hoàng Thị H sinh được 06 người con chung, gồm: các ông Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, Đặng Xuân H, Đặng Văn H, Đặng Văn H, Đặng Văn H. Năm 1972 cụ H chết, năm 1992 cụ H chết, các cụ không để lại di chúc. Trong thời gian sinh sống cụ H, cụ H tạo dựng được diện tích đất khoảng 700m² tại thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi các cụ chết, diện tích đất trên do vợ chồng ông Đặng Văn H quản lý, sử dụng. Năm 2000, vợ chồng ông H đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trọng H 171m² với giá 14.500.000đ, anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Sau khi chuyển nhượng ông H có chia cho mỗi anh em 1.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng tôn tạo khối tài sản bố mẹ để lại. Diện tích đất còn lại hiện nay do vợ chồng ông Đặng Văn Hải, bà Trịnh Thị Khoán đang quản lý sử dụng. Nay ông Đặng Văn Hải đề nghị chia di sản thừa kế đối với phần đất còn lại của bố mẹ ông, đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật.

Theo bị đơn ông Đặng Văn H trình bày:

Ông H thống nhất với ông H về quan hệ gia đình. Năm 1972, cụ H chết, năm 1992 cụ H chết, các cụ không để lại di chúc. Thời gian sinh sống bố mẹ ông H tạo dựng được tài sản là diện tích đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, còn cụ thể bao nhiêu mét vuông, ông chưa đo nên không xác định được cụ thể, diện tích đất này hiện nay vợ chồng ông đang quản lý sử dụng. Nay ông H yêu cầu chia di sản thừa kế tài sản này ông không đồng ý với lý do đây là đất hương hỏa tổ tiên bố mẹ để lại, tại biên bản họp

gia đình ngày 11/4/2018 các anh em đã thống nhất giao cho ông được quyền sử dụng để làm nơi cúng tổ tiên ông, bà, cha, mẹ. Tại phiên tòa sơ thẩm ông H đồng ý chia di sản thừa kế và đồng ý chia cho ông Đặng Văn H 01 suất thừa kế, suất thừa kế của các ông Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, Đặng Văn H, Đặng Văn H thống nhất giao cho ông H sử dụng nên ông H đề nghị Tòa án chia và giao cho ông H quản lý sử dụng tổng 5 suất thừa kế.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Các ông Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, Đặng Văn H, Đặng Văn H thống nhất với các ông H, H về quan hệ trong gia đình, về tài sản bố mẹ để lại diện tích đất 700m² tại thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng hiện nay do vợ chồng ông Đặng Văn H đang quản lý, sử dụng. Các ông H, K, H, H thống nhất chia tài sản là phần đất còn lại của bố mẹ làm 6 phần, 01 cho ông Đặng Văn H, 05 phần còn lại của anh em giao cho vợ chồng ông Đặng Văn H quản lý sử dụng.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Đặng Văn K và ông Đặng Văn H có ý kiến không giao phần đất được chia cho ông Đặng Văn H và đề nghị được nhận lại. Ông Đặng Mạnh H, ông Đặng Văn H có văn bản tặng cho phần di sản được hưởng cho ông Đặng Văn H và bà Trịnh Thị K.

Bà Trịnh Thị K thống nhất với lời khai của ông Đặng Văn H.

Theo kết quả định giá tài sản xác định được giá đất 9.500.000 đồng/m². Công trình xây dựng, cây cối hoa màu do vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Trịnh Thị K xây dựng 306.562.000đ.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 166, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 611, 612, 613, khoản 3 Điều 623 và các điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 95 của Luật Đất đai;

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

- Ông Đặng Văn H được hưởng phần di sản thừa kế diện tích đất 97m² nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Các ông Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, ông Đặng Xuân H, Đặng Văn H, Đặng Văn H mỗi ông được hưởng được phần di sản thừa kế của cụ Đặng Văn H, Hoàng Thị H tương ứng với diện tích đất 97m², tổng diện tích đất 05 người được hưởng là 485m². Giao diện tích đất này và tài sản trên đất cho vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Trịnh Thị K quản lý sử dụng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 29/11/2018, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị K kháng cáo nội dung: Bản án xác định đất tranh chấp là di sản của bố mẹ để lại và chia thừa kế là không đúng, vì tài sản này các anh em thống nhất cho vợ chồng ông H, ông H đứng tên chủ sử dụng trong sổ địa chính nên phải xác định là tài sản riêng của ông H. Bản án sơ thẩm, khi chia thừa kế thành 6 phần mà không xem xét đến quyền lợi của vợ chồng ông H là không khách quan. Trường hợp buộc phải chia đề nghị thanh toán giá trị tài sản trên đất, vật đất, công sức nuôi dưỡng bà Hoàng Thị H.

- Ngày 09/01/2019, ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị K kháng cáo bổ sung nội dung: Cụ H chết năm 1972 nên thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ H đã hết. Phần di sản của cụ H do ông H quản lý nên thuộc quyền sử dụng của ông H. Đối với phần di sản thừa kế của cụ H, khi chia đề nghị xem xét đến công sức tôn tạo, công sức chăm sóc nuôi cụ H, yêu cầu bồi thường vật kiến trúc, hoa màu trên đất. Đề nghị những người được hưởng di sản thừa kế phải thanh toán lại tiền thuê sử dụng đất mà vợ chồng ông H đã nộp từ năm 1992 đến nay.

- Ngày 5/6/2019, Ông Đặng Văn H, bà Đặng Thị K có đơn xin rút một phần nội dung kháng cáo, không yêu cầu tính công sức nuôi dưỡng bà Hoàng Thị H; không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản trên đất; đề nghị tách diện tích đất 5% ra khỏi di sản của bố mẹ, phần còn lại chia 7 phần, trong đó ông H được nhận thừa kế 2 phần (gồm một phần thừa kế, một phần là công sức tôn tạo, giữ gìn di sản thừa kế). Phần di sản thừa kế chia cho ông Đặng Mạnh H và ông Đặng Văn H, ông H và ông H đã có văn bản tặng cho ông H nên ông H xin nhận. Còn phần di sản được chia của ông H, ông K đề nghị trả lại cho ông H, ông K. Ông H xin nhận phần đất, trên đất có nhà mà gia đình ông đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Đặng Văn H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H trình bày: Bố mẹ ông chết để lại diện tích đất do vợ chồng ông H đang quản lý, diện tích còn lại hiện là 641,88m² như kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc

thẩm là đúng. Quá trình sử dụng, năm 2000 ông có chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trọng H 171m² với giá 14.500.000đ. Số tiền này, ông H có chia cho mỗi anh em 1.000.000 đồng, riêng ông K, ông H ở xa nên không gửi được, số tiền còn lại dùng san lấp ao, tôn tạo khôi tài sản bố mẹ để lại. Trong diện tích đất còn lại là 641,88m² có 78,1m² là đất 5%, ông H đề nghị tách riêng không chia thừa kế đất 5%, diện tích đất còn lại chia đều nhưng phải xem xét đến công sức tôn tạo lấp ao, làm công thoát nước, công sức bảo quản, giữ gìn của vợ chồng ông bằng một suất thừa kế. Vợ chồng ông H xin rút yêu cầu kháng cáo về xem xét công sức nuôi mẹ, yêu cầu thanh toán giá trị các công trình, cây cối, hoa màu trên đất. Ông H giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo khác và trình bày khác ở quá trình giải quyết cấp sơ thẩm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị K: Thống nhất với trình bày của ông Đặng Văn H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H.

- Nguyên đơn ông Đặng Văn H trình bày: Bố mẹ ông chết để lại diện tích đất do vợ chồng ông H đang quản lý, diện tích còn lại hiện là 641,88m² như kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm là đúng. Quá trình sử dụng, năm 2000 ông H có chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trọng H 171m² với giá 14.500.000đ. Số tiền này, ông H được chia 1.000.000 đồng. Ông H không đề nghị chia phần đất đã chuyển nhượng này. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia thừa kế cả diện tích đất 5%, tổng là 641,88m², chia đều cho 6 người con, không chấp nhận công sức tôn tạo, giữ gìn cho ông H. Ông H đề nghị được nhận bằng hiện vật.

- Ông Đặng Văn H trình bày: Thống nhất với trình bày của ông H. Về phần đất được chia thừa kế, ông H tự nguyện tặng cho vợ chồng ông H.

- Ông Đặng Văn H trình bày: Bố mẹ ông chết để lại diện tích đất do vợ chồng ông H đang quản lý, diện tích còn lại hiện là 641,88m² như kết quả thẩm định của Tòa án cấp phúc thẩm là đúng. Quá trình sử dụng, năm 2000 ông H có chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trọng H 171m² với giá 14.500.000đ. Số tiền này, ông H được chia 1.000.000 đồng. Ông H đề nghị chia thừa kế cả diện tích 641,88m² do các cụ để lại và đề nghị được nhận bằng hiện vật. Đối với đề nghị của ông H về tính công sức thì đề nghị Tòa án xem xét theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm tất cả các đương sự đều khẳng định đất 5% của các cụ được giao nằm ở vị trí phía Tây Nam của thửa đất tranh chấp, giáp hộ ông Nguyễn Đức Cường, vị trí và diện tích như Tòa án cấp phúc thẩm xem xét thẩm định là đúng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai các đương sự và địa phương cung cấp xác định di sản của cụ H, cụ H để lại gồm diện tích 641,88m² đất. Trong đó, theo kết quả thẩm định thể hiện có 78,1m² là đất 5%, xét diện tích

đất 5% nguồn gốc của các cụ có trước năm 1980, các đương sự sử dụng ổn định cho đến nay không phải đóng thuế, theo quy định của Luật Đất đai thì đất trên có thể được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, cần phải chia thừa kế toàn bộ 641,88m² đất. Đối với đề nghị của bị đơn về việc xem xét công sức tôn tạo, bảo quản giữ gìn tài sản: Xét quá trình sử dụng đất của các cụ để lại, ông H đã chuyển nhượng một phần đất và sử dụng phần lớn số tiền nhận được nên không chấp đề nghị này của bị đơn. Viện Kiểm sát đề nghị chia đều diện tích 641,88m² đất cho 6 người con cụ H, mỗi người được 106,9m². Riêng suất thừa kế của ông H, ông H đã tự nguyện tặng cho ông H nên giao phần đất cho ông H. Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Viện Kiểm sát tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đặng Mạnh H, ông Đặng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H và ông K.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Văn H và bà Trịnh Thị K xem xét công sức nuôi mẹ và thanh toán giá trị vật kiến trúc, hoa màu trên đất. Ngày 5/6/2019, ông H và bà K có đơn xin rút hai yêu cầu kháng cáo này nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Về yêu cầu kháng cáo:

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 1 Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990, quy định thời hiệu khởi kiện là 30 năm. Cụ Đặng Văn H chết năm 1972. Như vậy, xác định thời hiệu khởi kiện đối với di sản của cụ Hòe được tính từ ngày 10/9/1990. Cụ Hoàng Thị H chết năm 1992, ngày 03/5/2018 ông Đặng Văn H khởi kiện, thời hiệu mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H, cụ H vẫn đảm bảo. Ông H và bà K kháng cáo bổ sung cho rằng không còn thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ H, yêu cầu này không có căn cứ nên không chấp nhận.

[5] Về hàng thừa kế: Cụ Đặng Văn H, cụ Hoàng Thị H sinh được 06 người con, gồm các ông Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, Đặng Xuân H, Đặng Văn H, Đặng Văn H, Đặng Văn H. Cụ H, cụ H chết không để lại di chúc nên di sản thừa kế của các cụ được chia theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là 06 người con.

[6] Xác định di sản thừa kế: Chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng, khi còn sống, cụ H, cụ H sinh sống trên diện tích đất thổ cư tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tại sổ mục kê năm 1985, tờ bản đồ số 299, trang 13, số thứ tự 46 của hộ cụ Đặng Văn H, Hoàng Thị H đứng tên sử dụng các diện tích đất sau: Số thửa 367, tờ bản đồ số 02, diện tích 672 m², loại đất thổ cư; số thửa 368, tờ bản đồ số 02, diện tích 146 m², loại đất 5%; số thửa 369, tờ bản đồ số 02, diện tích 136 m², loại đất ao; số thửa 487, tờ bản đồ số 02, diện tích 128 m², loại đất trồng rau. Sau khi cụ H, cụ H chết thì diện tích đất của 02 cụ được giao cho vợ chồng ông Đặng Văn H (còn gọi là Đặng Văn U) quản lý sử dụng và tại sổ mục kê năm 2000, tờ bản đồ năm 1996, trang 53 ghi chủ sử dụng đất Đặng Văn U, số thửa 34, tờ bản đồ 172-A-4, diện tích 820m², loại đất thổ cư. Quá trình sử dụng, năm 2000 vợ chồng ông H đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Trọng H 171m² với giá 14.500.000đ, anh H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này. Sau khi chuyển nhượng ông H có chia cho mỗi anh em 1.000.000 đồng, số tiền còn lại dùng mua đất, đá san lấp ao là tài sản bố mẹ để lại, phù hợp với lời trình của ông H tại đơn đề ngày 10/9/2018 (Bl 131), phù hợp với lời khai các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Khi chuyển nhượng các anh em đều không ý kiến gì, đến nay các đương sự không ai yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất đã chuyển nhượng cho anh H. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất còn lại hiện nay vợ chồng ông H thực tế đang sử dụng theo biên bản xác định định giá tài sản ngày 14/8/2018 là 582m² để chia thừa kế. Căn cứ vào kết quả thẩm định lại của Tòa án cấp phúc thẩm xác định được diện tích đất hộ ông H đang sử dụng là 641,88m², gồm 582,4m² diện tích thực tế ông H đang sử dụng và diện tích 59m² phía mặt tiền của thửa đất, gia đình ông H đang sử dụng làm lán bán hàng. Đối với diện tích 59m² tăng thêm này các đương sự và địa phương đều xác nhận là đất của cụ H, cụ H để lại. Diện tích đất tăng thêm này nằm trên quy hoạch hành lang giao thông, tuy nhiên Nhà nước chưa có quyết định thu hồi đất, chưa có phương án đền bù nên cần phải xem xét giải quyết đối với phần đất này mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Vì vậy, xác định diện tích đất tranh chấp là 641,88m². Kết quả thẩm định, xác định trong diện tích 641,88m² có 78,1m² là đất công ích 5%.

[7] Về xác định vị trí diện tích đất 5%: Ông Nguyễn Văn N là trưởng thôn P và UBND xã Trường Thành xác định diện tích đất 5% nằm ở vị trí phía Tây Nam của thửa đất tranh chấp, giáp hộ ông Nguyễn Đức C, phù hợp lời khai của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Theo UBND xã Trường Thành xác định lại diện tích đất 5% trên không được gộp vào đất thổ cư của cụ H, cụ H và theo bản đồ giải thửa năm 1996 và sổ mục kê năm 2000 thì diện tích đất 5% có số thửa 51, là đất hai lúa. Trước đây bản đồ năm 1985 thể hiện diện tích đất 5% có số thửa 368 là do quy nhầm số thửa.

[8] Về đề nghị chia thừa kế đối với đất diện tích đất 5%: Theo cung cấp của UBND xã Trường Thành và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Lão cung cấp thì diện tích đất 78,1m² là đất 5%, đất công ích do UBND xã Trường Thành quản lý, nếu muốn chuyển đổi mục đích sử dụng phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định. Tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có trường hợp người đang quản lý, sử dụng đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn. Căn cứ vào Điều 57, Điều 132 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thấy rằng diện tích đất 5% trên do UBND xã Trường Thành quản lý, hiện không có quyết định cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có tài liệu thể hiện các đương sự đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để xác định diện tích đất 5% gồm 78,1m² là di sản thừa kế và chia theo như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế diện tích đất này là chưa đảm bảo đúng quy định. Như vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên đủ cơ sở xác định di sản của cụ H và cụ H để lại là diện tích 563,7m² (641,88m² – 78,1m²) thuộc số thửa 34, tờ bản đồ 172-A-4, tại thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[9] Ông H và bà K kháng cáo cho rằng, ngày 11/4/2018 tất cả các anh em trong gia đình họp thống nhất giao toàn bộ di sản của cụ H, cụ H để lại cho vợ chồng ông H quản lý sử dụng nên di sản trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông. Tuy nhiên, thỏa thuận này không được công chứng, chứng thực, vợ chồng ông H chưa đi đăng ký quyền sử dụng đất, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này, căn cứ Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 thì văn bản thỏa thuận này không có hiệu lực nên chưa xác lập quyền sử dụng đất đối với vợ chồng ông H. Thực tế nội dung Biên bản ngày 11/4/2018, các đương sự thỏa thuận chỉ giao cho ông H quản lý, sử dụng đất làm nơi thờ cúng các cụ, không được quyền tặng cho, chuyển nhượng cho ai. Ngoài ra không còn chứng cứ, tài liệu nào khác nên không đủ cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp là tài sản riêng của vợ chồng ông H.

[10] Về xem xét công sức tôn tạo, bảo quản, giữ gìn di sản: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông H và bà K đề nghị khi chia thừa kế xem xét đến công sức tôn tạo, giữ gìn di sản của ông H và bà K. Xét quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều thừa nhận một phần di sản của cụ H, cụ H để lại trước đây là ao, thúng vũng. Vợ chồng ông H đã dùng số tiền thu được từ việc chuyển nhượng đất cho anh H để mua đất đá dâng lấp, tôn tạo, làm cống thoát nước... Tại phiên tòa, ông H khai chi phí dâng lấp ao hết hơn 100.000.000 đồng nhưng không

đưa ra được chứng cứ nên không có cơ sở xem xét. Cụ H chết năm 1972, cụ Họ chết năm 1992, vợ chồng ông H có công bảo quản, giữ gìn di sản từ đó đến nay nên cần chấp nhận đề nghị, xác định công sức cải tạo, bảo quản, giữ gìn di sản bằng một suất thừa kế.

[11] Về việc chia di sản của cụ H, cụ H: Cụ H, H có 06 người con. Các cụ chết không để lại di chúc. Di sản của cụ H, cụ H xác định là diện tích đất 563,7m², được chia làm 07 phần, mỗi phần di sản thừa kế là diện tích đất 80,5m². Cụ thể ông H, ông K, ông H mỗi người được hưởng 80,5m² đất. Đối với ông H, ông H tặng cho phần di sản được hưởng cho ông H, ngoài ra ông H bà K được tính công sức cải tạo, bảo quản, giữ gìn di sản bằng một suất thừa kế tương đương 80,5m². Phần di sản của ông H được nhận 04 suất là 322m². Xét do chiều dài của thửa đất tranh chấp rất dài (28m), nếu chia cho các đương sự 80,5m² thì các cạnh còn lại của thửa đất sẽ nhỏ hơn 3m, theo quy định của UBND thành phố Hải Phòng nếu cạnh của thửa đất nhỏ hơn 3m sẽ không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hơn nữa một phần đất phía trước giáp mặt đường được quy hoạch hành lang giao thông. Để đảm bảo công năng sử dụng, cũng như đảm bảo thửa đất đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải chia cho các ông H, ông H, ông K mỗi người 93,9m² (563,7m² : 6), các ông H, ông H, ông K mỗi người phải thanh toán lại cho ông H giá trị diện tích đất chênh lệch so với suất thừa kế được hưởng là 13,4m² x 9.500.000 đồng tương đương số tiền 127.300.000 đồng. Như vậy, phần di sản của ông H được nhận là 282m² và số tiền 381.900.000 đồng do các ông H, ông H, ông K thanh toán. Phần các ông H, ông H, ông K mỗi người được nhận 93,9m². Trên đất tranh chấp, phía giáp hộ ông Nguyễn Đức C có 01 nhà cấp bốn có diện tích 36,12m², 01 nhà mái bằng 02 tầng và công trình phụ là tài sản của gia đình ông H nên cần chia cho ông H bà K phần diện tích đất gắn liền với tài sản trên, phần đất này có 46,53m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông. Phần diện tích đất giáp hộ bà Phùng Thị L được chia đều cho các ông H, ông H, ông K. Cụ thể chia cho ông H phần đất có cạnh phía Đông Bắc giáp hộ bà Phùng Thị L, cạnh phía Tây Nam giáp đất chia cho ông Đặng Xuân H, phần đất này có 23,45m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông. Chia cho ông H phần đất có cạnh phía Đông Bắc giáp đất ông H, cạnh phía Tây Nam giáp đất chia cho ông K, phần đất này có 23,72m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông; Chia cho ông H phần đất có cạnh phía Đông Bắc giáp đất ông H, cạnh phía Tây Nam giáp đất chia cho ông K, phần đất này có 24m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông (có sơ đồ kèm theo bản án). Xét trên phần đất chia cho ông H có 2 cây cau, tường bao gạch cũ; trên phần đất chia cho ông H có 2 cây xoài, 01 cây me, tường bao gạch cũ; trên phần đất chia cho ông K có 01 cây lộc vừng, 01 cây vú sữa, 01 cây nhãn, chiếm vào 1,42m² bề nước, 0,97m² nhà vệ sinh, tường bao gạch cũ. Số cây ăn quả, tường bao, giếng nước, nhà vệ sinh do ông H, bà K tạo dựng nhưng giá trị sử dụng còn lại không

lớn, ông H và bà K không có yêu cầu thanh toán tài sản trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nhưng cũng cần buộc ông H, bà K phải di dời cây, tháo dỡ 1,42m² bể nước, 0,97m² nhà vệ sinh, giếng nước để trả lại mặt bằng đất cho các ông H, ông H, ông K.

[12] Về diện tích đất 78,1m² thuộc thửa 51. Xét đây là đất công ích 5% do UBND xã Trường Thành quản lý nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là đất này. Hiện diện tích đất này đang do gia đình ông H sử dụng. Vì vậy, sửa một phần Bản án sơ thẩm, cần tạm giao cho gia đình ông H sử dụng, ông H phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục và các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật. Ông H, bà K có đề nghị những người được hưởng di sản thừa kế phải thanh toán lại tiền thuế sử dụng đất mà vợ chồng ông H đã nộp từ năm 1992 đến nay. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét ông H và bà K sử dụng đất nên phải có nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, ông H và bà K không chứng minh được mình đã nộp bao nhiêu tiền thuế nên không có căn cứ giải quyết.

[13] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Ông Đặng Văn H đã nộp 5.000.000đ chi phí định giá tài sản; ông H đã nộp 7.000.000 đồng chi phí thẩm định. Ông H, ông H không yêu cầu giải quyết khoản tiền này, Hội đồng xét xử không xét.

[14]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên giá trị di sản thừa kế được nhận, cụ thể tương ứng với giá trị phần được hưởng 80,5m² x 9.500.000 đồng/m² thành tiền là 764.750.000đ. Cụ thể, ông H và ông H mỗi người phải chịu 34.590.000 đồng; ông H phải chịu 34.590.000 đồng nhưng ông H đã tặng cho ông H phần di sản được hưởng và có thỏa thuận ông H phải chịu án phí đối với phần di sản này nên tổng số tiền án phí ông H phải chịu là 69.180.000 đồng, đối với phần di sản được chia xác định là công sức cải tạo, bảo quản, giữ gìn tài sản thì ông H không phải chịu án phí. Ông H, ông K, ông H tính đến ngày xét xử đã trên 60 tuổi, là người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các ông được miễn khoản tiền án phí.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án bị sửa nên ông H là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 57; 95; 132 và 167 của Luật Đất đai;

Căn cứ quy định tại các điều 611; 612; 613; 623; 649; 650; 651; 660 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148; Điều 227; Điều 228; khoản 2, khoản 5 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 12; Điều 26; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Văn H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị K, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đặng Văn H và bà Trịnh Thị K về yêu cầu tính công sức nuôi dưỡng bà Hoàng Thị H và yêu cầu thanh toán giá trị công trình và cây cối, hoa màu trên đất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn H về chia di sản thừa kế của cụ Đặng Văn H, cụ Hoàng Thị H.

2. Cụ thể chia di sản thừa kế như sau:

- Ông Đặng Văn H được hưởng phần di sản thừa kế diện tích đất 93,9m² nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất này có 23,45m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

- Ông Đặng Văn H phải thanh toán cho ông Đặng Văn H 127.300.000 đồng là giá trị diện tích đất chênh lệch so với suất thừa kế được hưởng tương đương diện tích 13,4m² đất.

- Ông Đặng Xuân H được hưởng phần di sản thừa kế diện tích đất 93,9m² nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất này có 23,72m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

- Ông Đặng Xuân H phải thanh toán cho ông Đặng Văn H 127.300.000 đồng là giá trị diện tích đất chênh lệch so với suất thừa kế được hưởng tương đương diện tích 13,4m² đất.

- Ông Đặng Văn K được hưởng phần di sản thừa kế diện tích đất 93,9m² nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới từ 12,4,5,11). Diện tích đất này có 24,8m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông.

- Ông Đặng Văn K phải thanh toán cho ông Đặng Văn H 127.300.000 đồng là giá trị diện tích đất chênh lệch so với suất thừa kế được hưởng tương đương diện tích 13,4m² đất.

- Ông Đặng Văn H được hưởng phần di sản thừa kế diện tích đất 282m² nằm trong thửa đất số 34, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới từ 5,6,7,8,10-1,10,11), diện tích đất này có 46,53m² nằm trong quy hoạch hành lang giao thông và số tiền 381.900.000 đồng do các ông Đặng Văn H, Đặng Xuân H, Đặng Văn K thanh toán giá trị đất chênh lệch (phần di sản trên bao gồm: 80,5m² là phần di sản ông H được chia thừa kế; 80,5m² phần di sản thừa kế của ông H tặng cho ông H; 80,5m² phần di sản thừa kế của ông H tặng cho ông H và 80,5m² là phần công sức cải tạo, bảo quản, gìn giữ tài sản mà ông H, bà K được hưởng).

- Ông Đặng Văn H và bà Trịnh Thị K phải di dời cây, tháo dỡ 1,42m² bề nước, 0,97m² nhà vệ sinh để trả lại mặt bằng đất cho các ông H, ông H, ông K.

Các đương sự có nghĩa vụ phải thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Phần đất được chia thể hiện trong sơ đồ kèm theo bản án)

3. Tạm giao 78,1m² đất 5%, thuộc thửa đất số 51, tờ bản đồ 172-A-4, địa chỉ thôn P, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (có các mốc giới từ 8,9,10,10-1 sơ đồ kèm theo bản án) cho ông Đặng Văn H, bà Trịnh Thị K sử dụng. Ông H, bà K phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục và nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Về lệ phí thẩm định và định giá tài sản: Ông Đặng Văn H đã nộp tiền định giá tài sản 5.000.000 đồng, ông Đặng Văn H đã nộp số tiền thẩm định tài sản 7.000.000 đồng. Ông H, ông H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Văn H phải chịu 34.590.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H đã nộp tạm ứng án phí 16.000.000đ theo biên lai thu số 0016859 ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, ông H còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 18.590.000đ.

- Ông Đặng Văn H phải chịu là 69.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông Đặng Văn H, Đặng Mạnh H, Đặng Văn K, Đặng Xuân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Thu Hà Vũ Thị Thanh Vân

Lương Ngọc Dũng